TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HC-ST
Ngày 30-8-2019
V/v khiếu kiện "Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Đấu**

Ông **Nguyễn Thế Khải**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thắm –** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Ngọc Thức** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 27/2019/TLST-HC ngày 16 tháng 5 năm 2019, về khiếu kiện "Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HC ngày 16 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện***: Bùi Hồng Cẩm T**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: 238D N, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà **Trần Thị Hữu P**, sinh năm 1954, là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 17/7/2019 (có mặt).

Địa chỉ: 238D N, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bị kiện*: **Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang** (vắng mặt).

Địa chỉ: 36 H, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông **Nguyễn Văn T** – Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện hợp pháp của người khởi kiện, bà Trần Thị Hữu P trình bày:*

Ngày 07/9/2017, cán bộ của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M đến kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với Cơ sở chế biến mở heo do chị Bùi Hồng Cẩm T làm chủ tại địa chỉ 234D N, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 06/10/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M mời chị T đến và lập Biên bản vi phạm hành chính số 25/BB-VPHC về lĩnh vực bảo vệ môi trường. Nội dung Biên bản cho rằng chị vi phạm điểm a Khoản 5 Điều 15 của nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ. Tại Điều 15 quy định: vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường, điểm a khoản 5 Điều 15: "Phạt tiền 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500m^3/giờ".

Ngày 27/10/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC xử phạt chị T. Hình thức xử phạt chính: phạt tiền 40.000.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 15 nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016.

Phạt tăng thêm 10% bằng 4.000.000 đồng lại áp dụng Khoản 7 Điều 13 Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 và buộc chị T trả chi phí trưng cầu giám định 2.600.000 đồng theo điểm c Khoản 9 Điều 13 Nghị định 155/2016/NĐ-CP là trái với quy định của pháp luật bởi vì tại điều này có quy định "Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường".

Theo biên bản ngày 06/10/2017 là chị T vi phạm về thải bụi, khí thải nhưng các cơ quan chức năng đưa mẫu nước thải đi giám định rồi ban hành quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC buộc chị đóng phạt 46.600.000 đồng là trái quy định của pháp luật, thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Ngoài ra, chị T đăng ký kinh doanh tại địa chỉ 238D N, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang nhưng biên bản vi phạm hành chính lại lập tại 234D N, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là không đúng. Bởi lẽ, địa chỉ 234D N, phường B, thành phố M là nơi bà P sản xuất, kinh doanh, chế biến mỡ nước.

Do đó, chị T yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, chị cũng yêu cầu xem xét tính hợp pháp của quyết định số 3775/QĐ-XPVPHC ngày 19/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M.

** Người bị kiện có đơn xin vắng mặt nhưng tại văn bản số 3256/UBND-TN&MT ngày 31/5/2019, người bị kiện có ý kiến như sau:*

Thực hiện Công văn số 3099/STNMT-CCMT ngày 10/7/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thuộc thẩm quyền, trong đó có cơ sở sản xuất mỡ nước của chị Bùi Hồng Cẩm T. Ngày 07/9/2017, Đoàn kiểm

tra liên ngành thành phố tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất mỡ nước do chị T làm chủ, tại địa chỉ 234D N, phường B, thành phố M. Đoàn kiểm tra có mời Trung tâm kỹ thuật và công nghệ sinh học Tiền Giang để thu mẫu khí thải tại nguồn đối với cơ sở sản xuất mỡ nước. Theo phiếu kết quả thử nghiệm mã số mẫu 042.9.17 ngày 15/9/2017 của Trung tâm kỹ thuật và công nghệ sinh học Tiền Giang thì cơ sở trên xả khí thải vượt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT. Cụ thể: thông số CO2 vượt 1,18 lần.

Ngày 06/10/2017, Đoàn kiểm tra liên ngành đã lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với chị Bùi Hồng Cẩm T về hành vi vi phạm thải khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500m^3/giờ. Căn cứ Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, do số tiền phạt trên 15.000.000 đồng nên đoàn kiểm tra đã hướng dẫn chị T giải trình hoạt động của cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

Sau khi họp xem xét đơn giải trình của chị Bùi Hồng Cẩm T thì cơ sở không thuộc đối tượng được miễn giảm theo Điều 9 của Luật xử lý vi phạm hành chính. Ngày 27/10/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với chị Bùi Hồng Cẩm T do đã thực hiện hành vi thải khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500m^3/giờ quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 15 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, cụ thể:

Hình thức xử phạt chính: phạt tiền 40.000.000 đồng.

Phạt tăng thêm 10% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,1 đến dưới 1,5 lần, theo Khoản 7 Điều 13 Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016. Cụ thể thông số SO_2 vượt 1,18 lần: 4.000.000 đồng.

Hình thức xử phạt bổ sung: không có.

Các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc chị Bùi Hồng Cẩm T hoạt động tại địa điểm được cấp hồ sơ môi trường, có giải pháp thu gom và xử lý khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B. Đồng thời báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm theo quy định.

Chị Bùi Hồng Cẩm T phải chi trả kinh phí cho việc trưng cầu giám định, đo đạc và phân tích mẫu nước thải, theo quy định tại điểm c Khoản 9 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: 2.600.000 đồng.

Về thời gian ban hành quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M đảm bảo thời hạn theo

quy định tại Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính. Ngày 30/10/2017, Đoàn kiểm tra liên ngành đã tiến hành triển khai quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC đến chị Bùi Hồng Cẩm T. Chị T nhận và thống nhất đối với quyết định trên.

Như vậy, quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 5918/UBND-VP ngày 30/8/2019, người bị kiện trình bày: Quyết định số 3775/QĐ-XPVPHC ngày 19/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành sửa đổi, bổ sung quyết định 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 như sau: sửa đổi "Khoản 7 Điều 13" thành "Khoản 6 Điều 15", sửa đổi "điểm c Khoản 9 Điều 13" thành "điểm c Khoản 8 Điều 15" của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phát biểu: Quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M xử phạt chị Bùi Hồng Cẩm T về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là đúng quy định của pháp luật. Quá trình lập biên bản kiểm tra, lấy mẫu ngày 07/9/2017 và lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 06/10/2017 đúng theo quy định. Chị T đã thống nhất ký tên thừa nhận thực hiện hành vi thải khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500m^3/giờ quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 15 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ. Ngày 30/10/2017, Đoàn kiểm tra liên ngành đã tiến hành triển khai quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC đến chị Bùi Hồng Cẩm T. Chị T nhận và thống nhất đối với quyết định trên. Do quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 có sai sót điều luật áp dụng nên ngày 19/6/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 3775/QĐ-XPVPHC sửa đổi, bổ sung quyết định 6315/QĐ-XPVPHC như sau: Sửa đổi "Khoản 7 Điều 13" thành "Khoản 6 Điều 15", Sửa đổi "điểm c Khoản 9 Điều 13" thành "điểm c Khoản 8 Điều 15" của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm.

Về nội dung: Quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M là quyết định hành chính theo qui định

tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Về trình tự, thẩm quyền ban hành quyết định 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M: Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính ngày 06/10/2017 để ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng hình thức, thời hạn, thẩm quyền theo qui định tại Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp vi phạm của chị T thuộc trường hợp có giải trình nên thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày. Do cơ sở sản xuất chế biến mỡ nước do chị Bùi Hồng Cẩm T làm chủ đã có hành vi xả khí thải vượt quá quy định theo điểm a Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 xử phạt vi phạm hành chính đối với chị là đúng quy định. Xét quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC có sai sót về áp dụng điều luật nhưng tại quyết định số 3775/QĐ-XPVPHC ngày 19/6/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M đã sửa đổi bổ sung và việc sửa đổi bổ sung không làm thay đổi nội dung của quyết định 6315/QĐ-XPVPHC nên cần thiết giữ nguyên quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC .

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính xử bác yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Hồng Cẩm T về khiếu kiện hủy quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]***<u>Về thủ tục tố tụng</u>***:

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 27/10/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với chị Bùi Hồng Cẩm T, chủ cơ sở chế biến mỡ nước, địa chỉ tại số 234D N, phường B, thành phố M, về hành vi thải khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật. Quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với chị Bùi Hồng Cẩm T là quyết định hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Khoản 4 Điều 6a NĐ 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 (được sửa đổi bổ sung bởi NĐ 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017) quy định: “Quyết định sửa đổi, bổ sung, văn bản đính chính quyết định về xử lý vi phạm hành chính là những

văn bản gắn liền với quyết định về xử lý vi phạm hành chính đã được ban hành và được lưu trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính". Điều 6 Luật tố tụng hành chính quy định: "Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án có quyền xem xét về tính hợp pháp của văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện ...". Căn cứ những quy định trên, mặc dù chị T không khởi kiện quyết định số 3775/QĐ-XPVPHC ngày 19/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M nhưng Hội đồng xét xử cũng cần xem xét, đánh giá tính hợp pháp của quyết định này.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/10/2017, chị Bùi Hồng Cẩm T nhận được quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2018 và cho rằng quyết định 6315/QĐ-XPVPHC là trái pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi của chị. Ngày 13/11/2017, chị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, yêu cầu hủy Quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC nói trên còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung khởi kiện của chị Bùi Hồng Cẩm T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T, trước tiên cần xem xét tính hợp pháp về trình tự ban hành, hình thức và nội dung quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC, quyết định số 3775/QĐ-XPVPHC.

Về thời hạn ban hành quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC:

Ngày 07/9/2017, Đoàn kiểm tra liên ngành do Ủy ban nhân dân thành phố M thành lập đã tiến hành kiểm tra đối với cơ sơ sản xuất chế biến mỡ nước do chị Bùi Hồng Cẩm T làm chủ. Đến ngày 06/10/2017, Đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, "Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2, Khoản 3 Điều 61 Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày kể từ ngày lập biên bản". Xét thấy, do vụ việc trên thuộc trường hợp giải trình nên thời hạn ra quyết định xử phạt được áp dụng trong thời hạn 30 ngày theo quy định trên. Như vậy, quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 được ban hành đúng thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Về thời hiệu ban hành quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC: Biên bản ngày 09/7/2017 và Biên bản vi phạm hành chính ngày 06/10/2017 được lập đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính và Khoản 2 Điều 56 Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính Phủ. Căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính ngày 06/10/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với chị T còn

trong thời hiệu theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Đối với quyết định số 3775/QĐ-XPVPHC ngày 19/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc sửa đổi bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành đúng theo quy định tại Điều 6a NĐ 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 (được sửa đổi bổ sung bởi NĐ 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017).Tại điều luật này không giới hạn về thời gian ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tính hợp pháp về hình thức, nội dung quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC và quyết định 3775/QĐ-XPVPHC:

Về hình thức: Quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC được ban hành theo đúng mẫu MQĐ02 và quyết định số 3775/QĐ-XPVPHC được ban hành theo đúng mẫu MQĐ32 quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ.

Về thẩm quyền ban hành: quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC và quyết định số 3775/QĐ-XPVPHC đều do ông Nguyễn Văn Hồng, chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ký quyết định là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 48 Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và quy định tại Khoản 3 Điều 6a Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 (được sửa đổi bổ sung bởi NĐ 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017). Khoản 3 Điều 6a Nghị định 81/2013/NĐ-CP quy định: "3. Khi phát hiện quyết định về xử lý vi phạm hành chính có sai sót thuộc các trường hợp quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều này, người đã ban hành quyết định về xử lý vi phạm hành chính tự mình hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người đó có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung hoặc đính chính những nội dung sai sót trong quyết định".

Về nội dung: Ngày 27/10/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với chị Bùi Hồng Cẩm T, chủ cơ sở sản xuất chế biến mỡ nước, tại số 234D, đường N, phường B, thành phố M về hành vi thải khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật. Chị T yêu cầu hủy Quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC vì cơ sở chế biến của chị không vi phạm pháp luật về môi trường. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị là biên bản họp ngày 13/9/2017 có nội dung đoàn kiểm tra về môi trường đã thống nhất cho cơ sở của chị được hoạt động đến ngày 01/10/2017 nhưng ngày 07/9/2017, đoàn kiểm tra đã lập biên bản và lấy mẫu khí thải để thử nghiệm là không đúng. Đồng thời, chị T đăng ký kinh doanh tại địa chỉ 238D N, phường B, thành phố M, Tiền Giang nhưng biên bản vi phạm hành chính lại lập tại 234D N, phường B, thành phố M, Tiền Giang.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 09/7/2017, Đoàn kiểm tra liên nghành do Ủy ban nhân dân thành phố M thành lập tiến hành kiểm tra về việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với cơ sở sản xuất chế biến mỡ nước do chị

Bùi Hồng Cẩm T làm chủ. Tại thời điểm kiểm tra, cơ sở sản xuất đang hoạt động, đoàn kiểm tra đã tiến hành lấy mẫu khí thải tại nguồn để thử nghiệm. Sau khi có kết quả thử nghiệm, có đủ cơ sở xác định trong hoạt động sản xuất mỡ nước, chị T có hành vi thải khí thải vượt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cụ thể: thông số CO vượt 6,55 lần, thông số SO2 vượt 1,18 lần. Ngày 06/10/2017 đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính đối với cơ sở chế biến mỡ nước của chị về hành vi này. Chị T đã thừa nhận hành vi vi phạm và ký tên vào biên bản vi phạm hành chính.

Đại diện hợp pháp của chị T cho rằng, chị được Phòng Tài nguyên cho phép cơ sở hoạt động đến 01/10/2017 nhưng ngày 7/9/2017 lại kiểm tra, lấy mẫu và ngày 06/10/2017 tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt chị là không đúng. Tuy nhiên, biên bản ngày 13/9/2017 có nội dung, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M yêu cầu chị T di dời cơ sở chế biến mỡ nước đến địa điểm đã được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp hồ sơ môi trường, không được hoạt động tại những địa điểm không có hồ sơ môi trường. Tại cuộc họp này, chị T có yêu cầu và cam kết di dời toàn bộ cơ sơ thắng mỡ về huyện C, tỉnh B, thời hạn chậm nhất đến ngày 01/10/2017. Như vậy, nội dung biên bản họp ngày 13/9/2017 không thể hiện Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M đã đồng ý cho cơ sở chế biến mỡ nước của chị T được hoạt động đến ngày 01/10/2017 như lời trình bày của chị. Bên cạnh đó, đại diện người khởi kiện cho rằng, chị T đăng ký kinh doanh tại địa chỉ 238D N, phường B, thành phố M, Tiền Giang nhưng biên bản vi phạm hành chính lại lập tại 234D N, phường B, thành phố M, Tiền Giang là không đúng. Địa chỉ 234D N, phường B, thành phố M, Tiền Giang là nơi bà P kinh doanh sản xuất. Tuy nhiên, tại các biên bản ngày 07/9/2017, biên bản ngày 13/9/2017, chị T đều thừa nhận và ký tên với tư cách chủ cơ sở chế biên mỡ nước tại địa chỉ 234D N, phường B, thành phố M, Tiền Giang. Đồng thời, chị T cũng thống nhất ký tên thừa nhận hành vi vi phạm hành chính xả khí thải vượt quy định tại Biên bản vi phạm hành chính ngày 06/10/2017. Như vậy, có đủ cơ sở xác định, chị T đã hoạt động sản xuất chế biến mỡ nước tại địa chỉ 234D N, phường B, thành phố M, Tiền Giang và có hành vi vi phạm hành chính qui định tại điểm a, Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 tại địa chỉ này. Việc chị T sản xuất, kinh doanh tại địa chỉ không đúng trong Giấy phép đăng ký kinh doanh cũng được xác định tại biên bản ngày 13/9/2017 (bút lục 73) và là một hành vi vi phạm hành chính khác.

Xét quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 có sai sót về điều luật áp dụng, cụ thể áp dụng Khoản 7 Điều 13 và điểm c Khoản 9 Điều 13 Nghị định 155/2016/NĐ.CP. Tuy nhiên, ngày 19/6/2018 Ủy ban nhân dân thành phố M đã ban hành quyết định số 3775/QĐ-XPVPHC ngày 19/6/2018 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC. Quyết định được gửi cho chị T ngày 19/6/2018 (bút lục 149). Tại văn bản số 5918/UBND-VP

ngày 30/8/2019, người bị kiện trình bày: Quyết định số 3775/QĐ-XPVPHC ngày 19/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành sửa đổi, bổ sung quyết định 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 như sau: Sửa đổi "Khoản 7 Điều 13" thành "Khoản 6 Điều 15", Sửa đổi "điểm c Khoản 9 Điều 13" thành "điểm c Khoản 8 Điều 15" của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017. Như vậy, nội dung quyết định số 3775/QĐ-XPVPHC đúng quy định của pháp luật và không làm thay đổi nội dung của quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành đúng qui định pháp luật về trình tự, thẩm quyền, hình thức và nội dung của một quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Hồng Cẩm T là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Khoản 2 Điều 32, Điều 116, điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ điểm a, b Khoản 1 Điều 6; Khoản 2, Khoản 3 Điều 61; Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm a Khoản 5, Khoản 6, điểm c Khoản 8 Điều 15 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Bác yêu cầu của chị Bùi Hồng Cẩm T về khiếu kiện hủy quyết định số 6315/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí: Chị Bùi Hồng Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022333 ngày 20/112017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang nên bà đã nộp xong.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Án tuyên vào lúc giờ 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 8 năm 2019, có mặt đại diện Viện kiểm sát, bà P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện./.

Nơi nhận:
- Tòa án cấp cao tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Phương